|  |  |
| --- | --- |
| BỘ XÂY DỰNG  **CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY**  **VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, VIỆC PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, VIỆC ỨNG DỤNG, THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ, BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI, VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG DỰ THẢO THÔNG TƯ** **QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CHUYÊN NGÀNH TẠI CẢNG, BẾN THỦY NỘI ĐỊA, KHU NEO ĐẬU VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HOA TIÊU ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam đã tiến hành đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, việc bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Thông tư quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa. Kết quả như sau:

**I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ**

**1. Bối cảnh xây dựng dự thảo văn bản**

Thực hiện chỉ đạo của Đảng, Nhà nước trong việc xây dựng, hoàn thiện pháp luật đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình dân tộc tại các văn bản:

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã xác định nhiệm vụ, giải pháp: “*Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*”; “*Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*”.

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới: “*Nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế phục vụ xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng và thúc đẩy chuyển đổi số*“.

- Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương đảng khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả giao cấp ủy, cơ quan, đơn vị, tổ chức, nhất là người đứng đầu quán triệt nguyên tắc, yêu cầu và chỉ đạo thực hiện tốt 08 nhiệm vụ, giải pháp, trong đó có: “*đổi mới mạnh mẽ công tác xây dựng pháp luật và nâng cao chất lượng các dự án luật*", "*rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản còn chồng chéo, bất cập cản trở sự phát triển, khơi thông các điểm nghẽn, tạo ra động lực mới cho phát triển*;”.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới: “*Xác định xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật và kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi hành pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, thường xuyên của các bộ, ngành Trung ương*”, “*Công tác xây dựng pháp luật phải thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng; xuất phát từ lợi ích toàn cục của đất nước; đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh; ... Các quy định của luật phải mang tính ổn định, đơn giản, dễ thực hiện, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm*”.

- Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 25/5/2023 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong tình hình mới xác định: “*Tập trung rà soát, hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật về giao thông theo hướng quy định rõ trách nhiệm quản lý nhà nước đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông gắn với bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông và phát triển kinh tế - xã hội*”; “*Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền ... Xây dựng cơ chế, chính sách huy động, sử dụng các nguồn lực xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông*”.

Cùng với các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh: Quyết định số 1757/2025/QĐ-TTg ngày 18/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng,

Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam đã rà soát, đánh giá việc thực hiện các quy định trong công tác quản lý chuyên ngành giao thông đường thủy nội địa nhằm phát hiện các khó khăn, vướng mắc làm cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh, trên cơ sở đó, đề xuất hoàn thiện hệ thống các quy định cho hoàn thiện.

Kết quả đánh giá cho thấy, hiện nay, các quy định liên quan đến công tác quản lý chuyên ngành, an ninh, an toàn tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu chủ yếu được quy định tại Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ, trong đó, nhiều hoạt động quản lý còn thực hiện thông qua phương thức giải quyết thủ tục hành chính. Thực tiễn, hầu hết quá trình giải quyết thủ tục hành chính đối với các phương tiện thủy nội địa được thực hiện theo phương pháp truyền thống, thủ công bằng việc tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp thông qua hồ sơ giấy, riêng đối với thủ tục cấp phép cho phương tiện thủy nội địa vào, rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu có yêu cầu kiểm tra thực tế phương tiện trước khi thực hiện cấp phép. Điều này, đòi hỏi số lượng nhân sự, thời gian giải quyết thủ tục hành chính lớn, gây ảnh hưởng đến hiệu suất giải quyết công việc, xuất hiện tình trạng ùn tắc, làm chậm tiến độ vận tải hàng hóa và hành khách.

Bên cạnh đó, nhiều thủ tục hành chính còn chưa tách bạch giữa công tác kiểm tra hồ sơ giấy tờ và công tác kiểm tra thực tế, dẫn đến quy trình giải quyết thủ tục hành chính còn nhiều bước, khó khăn cho công tác chuyển đổi số.

Với định hướng phát triển kinh tế, cắt giảm thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển, việc nghiên cứu, sửa đổi các quy định nhằm thay đổi phương thức quản lý, cắt giảm thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, sẽ góp phần tiến tới đáp ứng tỷ lệ cắt giảm các chỉ tiêu theo yêu cầu của Chính phủ tại Nghị quyết số 66/NQ-CP, cũng như, hoàn thiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1757/2025/QĐ-TTg ngày 18/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Theo đó, việc xây dựng dự thảo Thông tư quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa theo hướng rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định vừa đảm bảo hiệu quả quản lý, vừa đảm bảo tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp trong hoạt động giao thông đường thủy nội địa là hết sức cần thiết.

**2. Mục đích, yêu cầu đánh giá**

Căn cứ quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của  
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 48/2013/NĐCP ngày  
14/5/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ  
trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong  
lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn  
bản quy phạm pháp luật, Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam đã thực hiện đánh giá về thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, bảo đảm bình đẳng giới, việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Thông tư quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu.

2.1. Mục đích: đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, hiệu quả của thủ tục hành  
chính; tính phù hợp trong phân quyền, phân cấp; tác động đến bình đằng giới và  
việc thực hiện chính sách dân tộc trong dự thảo Thông tư quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu.

2.2. Yêu cầu: nội dung đánh giá khách quan, đầy đủ, bám sát thực tiễn và  
phù hợp quy định pháp luật.

**II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ**

**1. Đánh giá thủ tục hành chính**

- Tổng số thủ tục hành chính quy định trong dự thảo Thông tư: 05 TTHC, trong đó:

+ Số thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới: 00 TTHC;

+ Số thủ tục hành chính hiện hành được sửa đổi, bổ sung: 05 TTHC (cụ thể: Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài; Phê duyệt Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa; Xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa; Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam; Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia xuất cảnh rời cảng thủy nội địa Việt Nam);

- Số thủ tục hành chính hiện hành được bãi bỏ: 02 TTHC (cụ thể: Thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa vào cảng, bến thủy nội địa; Thủ tục đối với phương tiện thủy nội địa rời cảng, bến thủy nội địa);

- Số thủ tục hành chính hiện hành được giữ nguyên: 00 TTHC.

- Đánh giá sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

*(Kèm theo Biểu mẫu đánh giá tác động thủ tục hành chính, Biểu mẫu tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tư pháp).*

**2. Việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu trong dự thảo văn bản có quy định về việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số)**

Thực hiện chủ trương của Đảng về đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày  
17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc tiếp tục đẩy mạnh công  
nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị  
quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa  
học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, dự thảo Thông tư đã quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và điều hành hoạt động của ngành, lĩnh vực thông qua việc quy định giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

**III. PHỤ LỤC**

**1. Phụ lục I.** Các biểu đánh giá tác động của thủ tục hành chính dự kiến sửa đổi, bổ sung;

**2. Phụ lục II**. Các biểu tính toán chi phí cắt giảm đối với thủ tục hành chính dự kiến bãi bỏ.

**Phụ lục I.**

**Các biểu đánh giá tác động của thủ tục hành chính dự kiến sửa đổi, bổ sung**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| BỘ XÂY DỰNG  **CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM** |  | ***Biểu mẫu số 03/ĐGTĐ-QĐCT/SĐBS*** |

**BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC QUY ĐỊNH CHI TIẾT HOẶC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN**

**Tên dự án, dự thảo văn bản:** Dự thảo Thông tư quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa.

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1:** Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia nhập cảnh vào cảng thủy nội địa Việt Nam

|  |  |
| --- | --- |
| **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**  *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)* | 1. Điều 15, Điều 16 Dự thảo Thông tư quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa. |
|  |
| **II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  *(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)* | |
| **1. Tên thủ tục hành chính** | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: Tên TTHC đã khái quát đẩy đủ, đúng bản chất nội dung hoạt động quản lý |
| **2. Trình tự thực hiện** | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: thủ tục hành chính đã được quy định rõ ràng, cụ thể về các bước thực hiện từ khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, (quá trình giải quyết hồ sơ và trả kết quả. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: Dự thảo Thông tư có quy định 01 khoản vè trách nhiệm của từng cơ quan trong việc tham gia giải quyết TTHC, đảm bảo phân định rõ ràng, cụ thể. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: TTHC được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có □ Không 🗹  Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định:  Lý do quy định:  - Các biện pháp có thể thay thế: Có □ Không 🗹  Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: |
| **3. Cách thức thực hiện** |  |
| a) Nộp hồ sơ:  Trực tiếp □  Bưu chính □  Điện tử 🗹  b) Nhận kết quả:  Trực tiếp □  Bưu chính □  Điện tử 🗹 | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: TTHC được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: TTHC được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, đảm bảo nhanh, gọn, tiết kiệm thời gian, chi phí, nhân lực. |
| **4. Thành phần, số lượng hồ sơ** | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: Thông báo phương tiện đến cảng thủy nội địa | - Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo thông tin cho các cơ quan quản lý và chủ cảng biết.  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu  Lý do quy định: Đảm bảo thông tin cho các cơ quan quản lý và chủ cảng biết, sắp xếp vị trí đậu đỗ, đảm bảo cho phương tiện vào, rời cảng an toàn. |
| b) Tên thành phần hồ sơ 2:  Giấy phép rời cảng thủy nội địa | - Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo kiểm soát hành trình phương tiện  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu  Lý do quy định: Đảm bảo kiểm soát nguồn gốc, hành trình phương tiện. |
| c) Tên thành phần hồ sơ 3:  Bản khai chung | - Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo kiểm soát hàng hóa, hành khách qua cảng  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu  Lý do quy định: Nắm bắt chung về hoạt động vận tải, phòng, ngừa vi phạm pháp luật.. |
| d) Tên thành phần hồ sơ 4:  Danh sách thuyền viên | - Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo kiểm soát thuyến viên làm việc trên phương tiện  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu  Lý do quy định: Đảm bảo kiểm soát sự phù hợp của thuyền viên với loại phương tiện. |
| đ) Tên thành phần hồ sơ 5:  Danh sách hành khách | - Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo kiểm soát hàng hóa, hành khách qua cảng  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu  Lý do quy định: Nắm bắt chung về hoạt động vận tải, phòng, ngừa vi phạm pháp luật.. |
| e) Tên thành phần hồ sơ 6:  Bản khai hàng hóa hoặc hợp đồng vận chuyển hoặc hóa đơn xuất kho hoặc giấy vận chuyển hàng hóa | - Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo kiểm soát hàng hóa, hành khách qua cảng  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu  Lý do quy định: Nắm bắt chung về hoạt động vận tải, phòng, ngừa vi phạm pháp luật.. |
| g) Tên thành phần hồ sơ 7:  Bản khai kiểm dịch thực vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch thực vật | - Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo kiểm soát hàng hóa, hành khách qua cảng  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu  Lý do quy định: Nắm bắt chung về hoạt động vận tải, phòng, ngừa vi phạm pháp luật, dịch bệnh. |
| h) Tên thành phần hồ sơ 8:  Bản khai kiểm dịch động vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật | - Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo kiểm soát hàng hóa, hành khách qua cảng  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu  Lý do quy định: Nắm bắt chung về hoạt động vận tải, phòng, ngừa vi phạm pháp luật, dịch bệnh. |
| i) Tên thành phần hồ sơ 9:  Bản khai vũ khí và vật liệu nổ | Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo kiểm soát hàng hóa, hành khách qua cảng  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu  Lý do quy định: Nắm bắt chung về hoạt động vận tải, phòng, ngừa vi phạm pháp luật, dịch bệnh. |
| k) Tên thành phần hồ sơ 10:  Bản khai người trốn trên tàu (nếu có) | Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo kiểm soát hàng hóa, hành khách qua cảng  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu  Lý do quy định: Nắm bắt chung về hoạt động vận tải, phòng, ngừa vi phạm pháp luật, dịch bệnh. |
| b) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ: Được quy định đầy đủ tại khoản 1 Điều 16 dự thảo Thông tư. |
| d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên)*: |
| **5. Thời hạn giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | - Có 🗹 Không □  - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 30 phút  Lý do quy định: Đảm bảo quy định rõ ràng. |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có 🗹 Không □  Lý do quy định: Đảm bảo sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan. |
| **6. Đối tượng thực hiện** | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước 🗹 Nước ngoài 🗹  Mô tả rõ: phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia  Lý do quy định: Quản lý hoạt động vận tải Việt Nam - Campuchia  - Cá nhân: Trong nước 🗹 Nước ngoài 🗹  Mô tả rõ: phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia  Lý do quy định: Quản lý hoạt động vận tải Việt Nam - Campuchia  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:  Có □ Không 🗹  Nêu rõ lý do: Thực hiện theo Hiệp định Vận tải thủy VN - Campuchia |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc 🗹 Vùng □ Địa phương □  - Nông thôn □ Đô thị □ Miền núi □  - Biên giới, hải đảo □  - Lý do quy định: Đảm bảo không bỏ sót địa bàn quản lý  - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?:  Có □ Không 🗹  Nêu rõ lý do: Đã quy định phù hợp. |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 1.500 lượt | |
| **7. Cơ quan giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có 🗹 Không □  Lý do quy định:  Đã quy định cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan tại Điều 16 dự thảo Thông tư |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có □ Không 🗹  Nêu rõ lý do: Đã quy định trách nhiệm thực hiện đến cơ quan cấp sơ sở, gần dân, sát dân nhất. |
| **8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)** | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không □ Có 🗹  Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật phí, lệ phí.  - Phí: Không □ Có 🗹  Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật phí, lệ phí.  - Chi phí khác: Không 🗹 Có □  Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật phí, lệ phí. |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có 🗹 Không □  Nội dung quy định: Phương tiện, tàu biển, phương tiện thủy nước ngoài vào, rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu phải làm thủ tục và nộp phí, lệ phí theo quy định trong các trường hợp sau:  a) Phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB;  b) Phương tiện, phương tiện thủy nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh tại cảng, bến thủy nội địa;  c) Tàu biển vào, rời, nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu  Lý do quy định: Phù hợp với quy định của pháp luật liên quan |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có 🗹 Không □  Lý do: Thống nhất áp dụng chung |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1:  Giấy phép rời cảng thủy nội địa | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin về phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện  + Nội dung thông tin 2: Thông tin người điều khiển phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện  + Nội dung thông tin 3: Thông tin về hàng hóa, hành khách chở trên phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện, phòng ngừa vi phạm pháp luật.  + Nội dung thông tin 3: Thông tin về hành trình phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện, phòng ngừa vi phạm pháp luật.  - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có □ Không 🗹  Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận:  Lý do quy định: |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai 3:  Bản khai chung | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin về phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện  + Nội dung thông tin 2: Thông tin người điều khiển phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện  + Nội dung thông tin 3: Thông tin về hàng hóa, hành khách chở trên phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện, phòng ngừa vi phạm pháp luật.  + Nội dung thông tin 3: Thông tin về hành trình phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện, phòng ngừa vi phạm pháp luật.  - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có □ Không 🗹  Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận:  Lý do quy định: |
| d) Tên mẫu đơn, tờ khai 4:  Danh sách thuyền viên | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin cụ thể về thuyền viên trên phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện |
| đ) Tên mẫu đơn, tờ khai 5:  Danh sách hành khách | Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin cụ thể về hành khách trên phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện |
| e) Tên mẫu đơn, tờ khai 6:  Bản khai hàng hóa hoặc hợp đồng vận chuyển hoặc hóa đơn xuất kho hoặc giấy vận chuyển hàng hóa | Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin cụ thể về hàng hóa trên phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện |
| g) Tên mẫu đơn, tờ khai 7:  Bản khai kiểm dịch thực vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch thực vật | Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin cụ thể về hàng hóa trên phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện, phòng ngừa dịch bệnh |
| h) Tên mẫu đơn, tờ khai 8:  Bản khai kiểm dịch động vật đối với hàng hóa thuộc diện kiểm dịch động vật | Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin cụ thể về hàng hóa trên phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện, phòng ngừa dịch bệnh |
| i) Tên mẫu đơn, tờ khai 9:  Bản khai vũ khí và vật liệu nổ | Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin cụ thể về hàng hóa trên phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện |
| k) Tên mẫu đơn, tờ khai 10:  Bản khai người trốn trên tàu (nếu có) | Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin cụ thể về người phát sinh trên phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện, đảm bảo an ninh an ninh quốc gia |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt □ Song ngữ 🗹 Nêu rõ loại song ngữ: Việt - Anh  Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): Do có yếu tố nước ngoài (Campuchia) |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có □ Không 🗹  Lý do quy định: |
| **11. Kết quả thực hiện** | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép 🗹  - Giấy chứng nhận □  - Giấy đăng ký □  - Chứng chỉ □  - Thẻ □  - Quyết định hành chính □  - Văn bản xác nhận/chấp thuận □  - Loại khác: □ Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy 🞎 Bản điện tử 🗹 |
| b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có 🗹 Không □  Lý do: Thống nhất áp dụng |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Có □ Không 🗹  - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: ………………….tháng/ năm.  - Nếu Không, nêu rõ lý do: Theo giá trị sử dụng khi vào, rời cảng từng lần |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Toàn quốc 🗹 Địa phương □  Lý do: Phù hợp với phạm vi áp dụng |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | |
| Họ và tên người điền: Đặng Thị Quyên  Điện thoại: 0961104142  E-mail: Quyendt.viwa@mt.gov.vn | |

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2:** Thủ tục điện tử đối với phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia xuất cảnh rời cảng thủy nội địa Việt Nam

|  |  |
| --- | --- |
| **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**  *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)* | 1. Điều 15, Điều 17 Dự thảo Thông tư quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa. |
|  |
| **II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  *(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)* | |
| **1. Tên thủ tục hành chính** | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: Tên TTHC đã khái quát đẩy đủ, đúng bản chất nội dung hoạt động quản lý |
| **2. Trình tự thực hiện** | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: thủ tục hành chính đã được quy định rõ ràng, cụ thể về các bước thực hiện từ khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, (quá trình giải quyết hồ sơ và trả kết quả. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: Dự thảo Thông tư có quy định 01 khoản vè trách nhiệm của từng cơ quan trong việc tham gia giải quyết TTHC, đảm bảo phân định rõ ràng, cụ thể. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: TTHC được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia. |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có □ Không 🗹  Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định:  Lý do quy định:  - Các biện pháp có thể thay thế: Có □ Không 🗹  Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: |
| **3. Cách thức thực hiện** |  |
| a) Nộp hồ sơ:  Trực tiếp □  Bưu chính □  Điện tử 🗹  b) Nhận kết quả:  Trực tiếp □  Bưu chính □  Điện tử 🗹 | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: TTHC được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: TTHC được thực hiện thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia, đảm bảo nhanh, gọn, tiết kiệm thời gian, chi phí, nhân lực. |
| **4. Thành phần, số lượng hồ sơ** | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: Thông báo phương tiện rời cảng thủy nội địa theo theo mẫu quy định của pháp luật về hàng hải | - Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo thông tin cho các cơ quan quản lý và chủ cảng biết.  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu  Lý do quy định: Đảm bảo thông tin cho các cơ quan quản lý và chủ cảng biết, sắp xếp vị trí đậu đỗ, đảm bảo cho phương tiện vào, rời cảng an toàn. |
| b) Tên thành phần hồ sơ 2:  Danh sách thuyền viên, người lái phương tiện với đầy đủ chức danh | - Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo kiểm soát thuyến viên làm việc trên phương tiện  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu  Lý do quy định: Đảm bảo kiểm soát sự phù hợp của thuyền viên với loại phương tiện. |
| c) Tên thành phần hồ sơ 3:  Danh sách hành khách (đối với phương tiện chở hành khách) | - Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo kiểm soát hàng hóa, hành khách qua cảng  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu  Lý do quy định: Nắm bắt chung về hoạt động vận tải, phòng, ngừa vi phạm pháp luật.. |
| d) Tên thành phần hồ sơ 4:  Bản khai hàng hóa hoặc hợp đồng vận chuyển hoặc hóa đơn xuất kho hoặc giấy vận chuyển hàng hóa (đối với phương tiện chờ hàng hóa) | - Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo kiểm soát hàng hóa, hành khách qua cảng  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu  Lý do quy định: Nắm bắt chung về hoạt động vận tải, phòng, ngừa vi phạm pháp luật.. |
| b) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ: Được quy định đầy đủ tại khoản 1 Điều 17 dự thảo Thông tư. |
| d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên)*: |
| **5. Thời hạn giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | - Có 🗹 Không □  - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 30 phút  Lý do quy định: Đảm bảo quy định rõ ràng. |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có 🗹 Không □  Lý do quy định: Đảm bảo sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan. |
| **6. Đối tượng thực hiện** | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước 🗹 Nước ngoài 🗹  Mô tả rõ: phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia  Lý do quy định: Quản lý hoạt động vận tải Việt Nam - Campuchia  - Cá nhân: Trong nước 🗹 Nước ngoài 🗹  Mô tả rõ: phương tiện thủy nội địa Việt Nam, Campuchia  Lý do quy định: Quản lý hoạt động vận tải Việt Nam - Campuchia  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:  Có □ Không 🗹  Nêu rõ lý do: Thực hiện theo Hiệp định Vận tải thủy VN - Campuchia |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc 🗹 Vùng □ Địa phương □  - Nông thôn □ Đô thị □ Miền núi □  - Biên giới, hải đảo □  - Lý do quy định: Đảm bảo không bỏ sót địa bàn quản lý  - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?:  Có □ Không 🗹  Nêu rõ lý do: Đã quy định phù hợp. |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 1.500 lượt | |
| **7. Cơ quan giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có 🗹 Không □  Lý do quy định:  Đã quy định cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan tại Điều 17 dự thảo Thông tư |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có □ Không 🗹  Nêu rõ lý do: Đã quy định trách nhiệm thực hiện đến cơ quan cấp sơ sở, gần dân, sát dân nhất. |
| **8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)** | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không □ Có 🗹  Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật phí, lệ phí.  - Phí: Không □ Có 🗹  Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật phí, lệ phí.  - Chi phí khác: Không 🗹 Có □  Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật phí, lệ phí. |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có 🗹 Không □  Nội dung quy định: Phương tiện, tàu biển, phương tiện thủy nước ngoài vào, rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu phải làm thủ tục và nộp phí, lệ phí theo quy định trong các trường hợp sau:  a) Phương tiện thủy nội địa mang cấp VR-SB;  b) Phương tiện, phương tiện thủy nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh tại cảng, bến thủy nội địa;  c) Tàu biển vào, rời, nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu  Lý do quy định: Phù hợp với quy định của pháp luật liên quan |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có 🗹 Không □  Lý do: Thống nhất áp dụng chung |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1:  Giấy phép rời cảng thủy nội địa | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin về phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện  + Nội dung thông tin 2: Thông tin người điều khiển phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện  + Nội dung thông tin 3: Thông tin về hàng hóa, hành khách chở trên phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện, phòng ngừa vi phạm pháp luật.  + Nội dung thông tin 3: Thông tin về hành trình phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện, phòng ngừa vi phạm pháp luật.  - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có □ Không 🗹  Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận:  Lý do quy định: |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai 3:  Bản khai chung | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin về phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện  + Nội dung thông tin 2: Thông tin người điều khiển phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện  + Nội dung thông tin 3: Thông tin về hàng hóa, hành khách chở trên phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện, phòng ngừa vi phạm pháp luật.  + Nội dung thông tin 3: Thông tin về hành trình phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện, phòng ngừa vi phạm pháp luật.  - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có □ Không 🗹  Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận:  Lý do quy định: |
| d) Tên mẫu đơn, tờ khai 4:  Danh sách thuyền viên | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin cụ thể về thuyền viên trên phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện |
| đ) Tên mẫu đơn, tờ khai 5:  Danh sách hành khách | Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin cụ thể về hành khách trên phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện |
| e) Tên mẫu đơn, tờ khai 6:  Bản khai hàng hóa hoặc hợp đồng vận chuyển hoặc hóa đơn xuất kho hoặc giấy vận chuyển hàng hóa | Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin cụ thể về hàng hóa trên phương tiện  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của phương tiện |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt □ Song ngữ 🗹 Nêu rõ loại song ngữ: Việt - Anh  Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): Do có yếu tố nước ngoài (Campuchia) |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có □ Không 🗹  Lý do quy định: |
| **11. Kết quả thực hiện** | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép 🗹  - Giấy chứng nhận □  - Giấy đăng ký □  - Chứng chỉ □  - Thẻ □  - Quyết định hành chính □  - Văn bản xác nhận/chấp thuận □  - Loại khác: □ Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy 🞎 Bản điện tử 🗹 |
| b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có 🗹 Không □  Lý do: Thống nhất áp dụng |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Có □ Không 🗹  - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: ………………….tháng/ năm.  - Nếu Không, nêu rõ lý do: Theo giá trị sử dụng khi vào, rời cảng từng lần |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Toàn quốc 🗹 Địa phương □  Lý do: Phù hợp với phạm vi áp dụng |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | |
| Họ và tên người điền: Đặng Thị Quyên  Điện thoại: 0961104142  E-mail: Quyendt.viwa@mt.gov.vn | |

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 3:** Thủ tục Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa

|  |  |
| --- | --- |
| **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**  *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)* | 1. Điều 19 Dự thảo Thông tư quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa. |
|  |
| **II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  *(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)* | |
| **1. Tên thủ tục hành chính** | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: Tên TTHC đã khái quát đẩy đủ, đúng bản chất nội dung hoạt động quản lý |
| **2. Trình tự thực hiện** | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: thủ tục hành chính đã được quy định rõ ràng, cụ thể về các bước thực hiện từ khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, (quá trình giải quyết hồ sơ và trả kết quả. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: Dự thảo Thông tư có quy định 01 khoản về trách nhiệm của từng cơ quan trong việc tham gia giải quyết TTHC, đảm bảo phân định rõ ràng, cụ thể. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: TTHC có thể thực hiện thông qua hệ thống MCĐT. |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có □ Không 🗹  Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định:  Lý do quy định:  - Các biện pháp có thể thay thế: Có □ Không 🗹  Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: |
| **3. Cách thức thực hiện** |  |
| a) Nộp hồ sơ:  Trực tiếp 🗹  Bưu chính 🗹  Điện tử 🗹  b) Nhận kết quả:  Trực tiếp 🗹  Bưu chính 🗹  Điện tử 🗹 | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: TTHC được thực hiện trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: Người dân, doanh nghiệp lựa chọn hình thức thực hiện phù hợp, đảm bảo nhanh, gọn, tiết kiệm thời gian, chi phí, nhân lực. |
| **4. Thành phần, số lượng hồ sơ** | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị phê duyệt đánh giá an ninh | - Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo thông tin cho các cơ quan quản lý biết.  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu  Lý do quy định: Đảm bảo thông tin cho các cơ quan quản lý biết, xử lý. |
| b) Tên thành phần hồ sơ 2:  Bản đánh giá an ninh theo quy định (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính). | - Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo kiểm soát đầy đủ các thông tin.  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu  Lý do quy định: Đảm bảo thông tin cho các cơ quan quản lý biết, xử lý. |
| b) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ: Được quy định đầy đủ tại khoản 2 Điều 19 dự thảo Thông tư. |
| d) Số lượng bộ hồ sơ: 02 | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên)*: Phục vụ công tác thẩm định hồ sơ và chuyển lại cho doanh nghiệp 01 bộ lưu, phục vụ hoạt động, kiểm tra, đánh giá. |
| **5. Thời hạn giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | - Có 🗹 Không □  - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 07 ngày làm việc.  Lý do quy định: Đảm bảo quy định rõ ràng. |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có 🗹 Không □  Lý do quy định: Đảm bảo sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan. |
| **6. Đối tượng thực hiện** | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước 🗹 Nước ngoài 🗹  Mô tả rõ: Người quản lý khai thác cảng thủy nội địa  Lý do quy định: Quản lý hoạt động cảng tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài  - Cá nhân: Trong nước 🗹 Nước ngoài 🗹  Mô tả rõ: Người quản lý khai thác cảng thủy nội địa  Lý do quy định: Quản lý hoạt động cảng tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:  Có □ Không 🗹  Nêu rõ lý do: Đảm bảo vấn đề an ninh, an toàn. |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc 🗹 Vùng □ Địa phương □  - Nông thôn □ Đô thị □ Miền núi □  - Biên giới, hải đảo □  - Lý do quy định: Đảm bảo không bỏ sót địa bàn quản lý  - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?:  Có □ Không 🗹  Nêu rõ lý do: Đã quy định phù hợp. |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 10 lượt | |
| **7. Cơ quan giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có 🗹 Không □  Lý do quy định:  Đã quy định cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan tại Điều 19 dự thảo Thông tư |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có □ Không 🗹  Nêu rõ lý do: Đã quy định trách nhiệm thực hiện đến cơ quan cấp sơ sở, gần dân, sát dân nhất. |
| **8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)** | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không □ Có 🗹  Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật phí, lệ phí.  - Phí: Không □ Có 🗹  Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật phí, lệ phí.  - Chi phí khác: Không 🗹 Có □  Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật phí, lệ phí. |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có 🗹 Không □  Nội dung quy định: Theo quy định của Bộ Tài chính.  Lý do quy định: Phù hợp với quy định của pháp luật liên quan |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có 🗹 Không □  Lý do: Thống nhất áp dụng chung |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1:  Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị phê duyệt đánh giá an ninh | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin về doanh nghiệp  Lý do quy định: Nắm bắt thông tin chung của cá nhân, tổ chức đề nghị  + Nội dung thông tin 2: Thông tin cảng dược đề nghị  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của cảng  + Nội dung thông tin 3: Nội dung đề nghị  Lý do quy định: Là cơ sở triển khải thực hiện.  - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có □ Không 🗹  Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận:  Lý do quy định: |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai 2:  Bản khai chung | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin về việc tổ chức đánh giá  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát thời điểm, người đánh giá  + Nội dung thông tin 2: Thông tin các hạng mục được đánh giá  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an ninh, an toàn của cảng  - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có □ Không 🗹  Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận:  Lý do quy định: |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt 🗹 Song ngữ □ Nêu rõ loại song ngữ:  Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có □ Không 🗹  Lý do quy định: |
| **11. Kết quả thực hiện** | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép □  - Giấy chứng nhận 🗹  - Giấy đăng ký □  - Chứng chỉ □  - Thẻ □  - Quyết định hành chính □  - Văn bản xác nhận/chấp thuận □  - Loại khác: □ Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy 🗹 Bản điện tử 🗹 |
| b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có 🗹 Không □  Lý do: Thống nhất áp dụng |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Có 🗹 Không □  - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài có thời hạn 05 năm và hàng năm phải được xác nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.  - Nếu Không, nêu rõ lý do: |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Toàn quốc 🗹 Địa phương □  Lý do: Phù hợp với phạm vi áp dụng |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | |
| Họ và tên người điền: Đặng Thị Quyên  Điện thoại: 0961104142  E-mail: Quyendt.viwa@mt.gov.vn | |

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 4:** Thủ tục Phê duyệt Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa

|  |  |
| --- | --- |
| **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**  *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)* | 1. Điều 19 Dự thảo Thông tư quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa. |
|  |
| **II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  *(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)* | |
| **1. Tên thủ tục hành chính** | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: Tên TTHC đã khái quát đẩy đủ, đúng bản chất nội dung hoạt động quản lý |
| **2. Trình tự thực hiện** | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: thủ tục hành chính đã được quy định rõ ràng, cụ thể về các bước thực hiện từ khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, (quá trình giải quyết hồ sơ và trả kết quả. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: Dự thảo Thông tư có quy định 01 khoản về trách nhiệm của từng cơ quan trong việc tham gia giải quyết TTHC, đảm bảo phân định rõ ràng, cụ thể. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: TTHC có thể thực hiện thông qua hệ thống MCĐT. |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có □ Không 🗹  Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định:  Lý do quy định:  - Các biện pháp có thể thay thế: Có □ Không 🗹  Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: |
| **3. Cách thức thực hiện** |  |
| a) Nộp hồ sơ:  Trực tiếp 🗹  Bưu chính 🗹  Điện tử 🗹  b) Nhận kết quả:  Trực tiếp 🗹  Bưu chính 🗹  Điện tử 🗹 | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: TTHC được thực hiện trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: Người dân, doanh nghiệp lựa chọn hình thức thực hiện phù hợp, đảm bảo nhanh, gọn, tiết kiệm thời gian, chi phí, nhân lực. |
| **4. Thành phần, số lượng hồ sơ** | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị | - Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo thông tin cho các cơ quan quản lý biết.  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu  Lý do quy định: Đảm bảo thông tin cho các cơ quan quản lý biết, xử lý. |
| b) Tên thành phần hồ sơ 2:  Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa có xác nhận của Người đại diện pháp luật của Doanh nghiệp cảng ở trang cuối đã được Cảng vụ Đường thủy nội địa thẩm định, phê duyệt. | - Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo kiểm soát đầy đủ các thông tin.  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu  Lý do quy định: Đảm bảo thông tin cho các cơ quan quản lý biết, xử lý. |
| c) Tên thành phần hồ sơ 3:  Kế hoạch an ninh (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính) | - Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo kiểm soát đầy đủ các thông tin.  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu  Lý do quy định: Đảm bảo thông tin cho các cơ quan quản lý biết, xử lý. |
| d) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ: Được quy định đầy đủ tại khoản 3 Điều 19 dự thảo Thông tư. |
| d) Số lượng bộ hồ sơ: 02 | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên)*: Phục vụ công tác thẩm định hồ sơ và chuyển lại cho doanh nghiệp 01 bộ lưu, phục vụ hoạt động, kiểm tra, đánh giá. |
| **5. Thời hạn giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | - Có 🗹 Không □  - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 07 ngày làm việc.  Lý do quy định: Đảm bảo quy định rõ ràng. |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có 🗹 Không □  Lý do quy định: Đảm bảo sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan. |
| **6. Đối tượng thực hiện** | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước 🗹 Nước ngoài 🗹  Mô tả rõ: Người quản lý khai thác cảng thủy nội địa  Lý do quy định: Quản lý hoạt động cảng tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài  - Cá nhân: Trong nước 🗹 Nước ngoài 🗹  Mô tả rõ: Người quản lý khai thác cảng thủy nội địa  Lý do quy định: Quản lý hoạt động cảng tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:  Có □ Không 🗹  Nêu rõ lý do: Đảm bảo vấn đề an ninh, an toàn. |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc 🗹 Vùng □ Địa phương □  - Nông thôn □ Đô thị □ Miền núi □  - Biên giới, hải đảo □  - Lý do quy định: Đảm bảo không bỏ sót địa bàn quản lý  - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?:  Có □ Không 🗹  Nêu rõ lý do: Đã quy định phù hợp. |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 10 lượt | |
| **7. Cơ quan giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có 🗹 Không □  Lý do quy định:  Đã quy định cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan tại Điều 19 dự thảo Thông tư |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có □ Không 🗹  Nêu rõ lý do: Đã quy định trách nhiệm thực hiện đến cơ quan cấp sơ sở, gần dân, sát dân nhất. |
| **8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)** | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không □ Có 🗹  Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật phí, lệ phí.  - Phí: Không □ Có 🗹  Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật phí, lệ phí.  - Chi phí khác: Không 🗹 Có □  Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật phí, lệ phí. |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có 🗹 Không □  Nội dung quy định: Theo quy định của Bộ Tài chính.  Lý do quy định: Phù hợp với quy định của pháp luật liên quan |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có 🗹 Không □  Lý do: Thống nhất áp dụng chung |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1:  Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin về doanh nghiệp  Lý do quy định: Nắm bắt thông tin chung của cá nhân, tổ chức đề nghị  + Nội dung thông tin 2: Thông tin cảng dược đề nghị  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của cảng  + Nội dung thông tin 3: Nội dung đề nghị  Lý do quy định: Là cơ sở triển khải thực hiện.  - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có □ Không 🗹  Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận:  Lý do quy định: |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai 2:  Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa có xác nhận của Người đại diện pháp luật của Doanh nghiệp cảng ở trang cuối đã được Cảng vụ Đường thủy nội địa thẩm định, phê duyệt. | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin về việc tổ chức đánh giá  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát thời điểm, người đánh giá  + Nội dung thông tin 2: Thông tin các hạng mục được đánh giá  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an ninh, an toàn của cảng  - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có □ Không 🗹  Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận:  Lý do quy định: |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt 🗹 Song ngữ □ Nêu rõ loại song ngữ:  Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có □ Không 🗹  Lý do quy định: |
| **11. Kết quả thực hiện** | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép □  - Giấy chứng nhận 🗹  - Giấy đăng ký □  - Chứng chỉ □  - Thẻ □  - Quyết định hành chính □  - Văn bản xác nhận/chấp thuận □  - Loại khác: □ Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy 🗹 Bản điện tử 🗹 |
| b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có 🗹 Không □  Lý do: Thống nhất áp dụng |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Có 🗹 Không □  - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài có thời hạn 05 năm và hàng năm phải được xác nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.  - Nếu Không, nêu rõ lý do: |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Toàn quốc 🗹 Địa phương □  Lý do: Phù hợp với phạm vi áp dụng |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | |
| Họ và tên người điền: Đặng Thị Quyên  Điện thoại: 0961104142  E-mail: Quyendt.viwa@mt.gov.vn | |

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 5:** Thủ tục Xác nhận hàng năm Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa

|  |  |
| --- | --- |
| **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**  *(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)* | 1. Điều 19 Dự thảo Thông tư quy định về quản lý nhà nước chuyên ngành tại cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu và quản lý hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa. |
|  |
| **II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  *(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)* | |
| **1. Tên thủ tục hành chính** | |
| Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: Tên TTHC đã khái quát đẩy đủ, đúng bản chất nội dung hoạt động quản lý |
| **2. Trình tự thực hiện** | |
| a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: thủ tục hành chính đã được quy định rõ ràng, cụ thể về các bước thực hiện từ khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ, (quá trình giải quyết hồ sơ và trả kết quả. |
| b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: Dự thảo Thông tư có quy định 01 khoản về trách nhiệm của từng cơ quan trong việc tham gia giải quyết TTHC, đảm bảo phân định rõ ràng, cụ thể. |
| c) Có áp dụng cơ chế liên thông không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: TTHC có thể thực hiện thông qua hệ thống MCĐT. |
| d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không? | Có □ Không 🗹  Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định:  Lý do quy định:  - Các biện pháp có thể thay thế: Có □ Không 🗹  Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo: |
| **3. Cách thức thực hiện** |  |
| a) Nộp hồ sơ:  Trực tiếp 🗹  Bưu chính 🗹  Điện tử 🗹  b) Nhận kết quả:  Trực tiếp 🗹  Bưu chính 🗹  Điện tử 🗹 | - Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: TTHC được thực hiện trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.  - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có 🗹 Không □  Nêu rõ lý do: Người dân, doanh nghiệp lựa chọn hình thức thực hiện phù hợp, đảm bảo nhanh, gọn, tiết kiệm thời gian, chi phí, nhân lực. |
| **4. Thành phần, số lượng hồ sơ** | |
| a) Tên thành phần hồ sơ 1: Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị | - Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo thông tin cho các cơ quan quản lý biết.  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu  Lý do quy định: Đảm bảo thông tin cho các cơ quan quản lý biết, xử lý. |
| b) Tên thành phần hồ sơ 2:  Bản đánh giá an ninh phải có ý kiến của các cơ quan quy định tại khoản 5 Điều này (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính) | - Nêu rõ lý do quy định: Đảm bảo kiểm soát đầy đủ các thông tin.  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu  Lý do quy định: Đảm bảo thông tin cho các cơ quan quản lý biết, xử lý. |
| c) Tên thành phần hồ sơ 3:  Biên bản các buổi tập huấn hoặc diễn tập hoặc huấn luyện theo chương trình Kế hoạch an ninh được phê duyệt (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính) | - Nêu rõ lý do quy định: Là minh chứng giải quyết TTHC.  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu  Lý do quy định: Đảm bảo kết quả kiểm tra thực tế. |
| d) Tên thành phần hồ sơ 4: Giấy chứng nhận phù hợp an ninh (bản sao hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính). | - Nêu rõ lý do quy định: Là cở sở đóng dấu xác nhận.  - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu  Lý do quy định: Đảm bảo thông tin giải quyết TTHC. |
| đ) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không? | Có 🗹 Không □  Nêu rõ: Được quy định đầy đủ tại khoản 4 Điều 19 dự thảo Thông tư. |
| e) Số lượng bộ hồ sơ: 02 | Lý do *(nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên)*: Phục vụ công tác thẩm định hồ sơ và chuyển lại cho doanh nghiệp 01 bộ lưu, phục vụ hoạt động, kiểm tra, đánh giá. |
| **5. Thời hạn giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không? | - Có 🗹 Không □  - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 07 ngày làm việc.  Lý do quy định: Đảm bảo quy định rõ ràng. |
| b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan? | Có 🗹 Không □  Lý do quy định: Đảm bảo sự phối hợp giữa các cơ quan liên quan. |
| **6. Đối tượng thực hiện** | |
| a) Đối tượng thực hiện: | - Tổ chức: Trong nước 🗹 Nước ngoài 🗹  Mô tả rõ: Người quản lý khai thác cảng thủy nội địa  Lý do quy định: Quản lý hoạt động cảng tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài  - Cá nhân: Trong nước 🗹 Nước ngoài 🗹  Mô tả rõ: Người quản lý khai thác cảng thủy nội địa  Lý do quy định: Quản lý hoạt động cảng tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài  - Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:  Có □ Không 🗹  Nêu rõ lý do: Đảm bảo vấn đề an ninh, an toàn. |
| b) Phạm vi áp dụng: | - Toàn quốc 🗹 Vùng □ Địa phương □  - Nông thôn □ Đô thị □ Miền núi □  - Biên giới, hải đảo □  - Lý do quy định: Đảm bảo không bỏ sót địa bàn quản lý  - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?:  Có □ Không 🗹  Nêu rõ lý do: Đã quy định phù hợp. |
| Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 10 lượt | |
| **7. Cơ quan giải quyết** | |
| a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không? | Có 🗹 Không □  Lý do quy định:  Đã quy định cụ thể trách nhiệm của từng cơ quan tại Điều 19 dự thảo Thông tư |
| b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không? | Có □ Không 🗹  Nêu rõ lý do: Đã quy định trách nhiệm thực hiện đến cơ quan cấp sơ sở, gần dân, sát dân nhất. |
| **8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)** | |
| a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không? | - Lệ phí: Không □ Có 🗹  Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật phí, lệ phí.  - Phí: Không □ Có 🗹  Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật phí, lệ phí.  - Chi phí khác: Không 🗹 Có □  Nếu Có, nêu rõ lý do: Theo quy định của pháp luật phí, lệ phí. |
| b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không? | Có 🗹 Không □  Nội dung quy định: Theo quy định của Bộ Tài chính.  Lý do quy định: Phù hợp với quy định của pháp luật liên quan |
| **9. Mẫu đơn, tờ khai** | |
| a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không? | Có 🗹 Không □  Lý do: Thống nhất áp dụng chung |
| b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1:  Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Văn bản đề nghị | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin về doanh nghiệp  Lý do quy định: Nắm bắt thông tin chung của cá nhân, tổ chức đề nghị  + Nội dung thông tin 2: Thông tin cảng dược đề nghị  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an toàn của cảng  + Nội dung thông tin 3: Nội dung đề nghị  Lý do quy định: Là cơ sở triển khải thực hiện.  - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có □ Không 🗹  Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận:  Lý do quy định: |
| c) Tên mẫu đơn, tờ khai 2:  Bản đánh giá an ninh cảng thủy nội địa có xác nhận của Người đại diện pháp luật của Doanh nghiệp cảng ở trang cuối đã được Cảng vụ Đường thủy nội địa thẩm định, phê duyệt. | - Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:  + Nội dung thông tin 1: Thông tin về việc tổ chức đánh giá  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát thời điểm, người đánh giá  + Nội dung thông tin 2: Thông tin các hạng mục được đánh giá  Lý do quy định: Nắm bắt, kiểm soát các điều kiện an ninh, an toàn của cảng  - Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có □ Không 🗹  Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận:  Lý do quy định: |
| d) Ngôn ngữ | - Tiếng Việt 🗹 Song ngữ □ Nêu rõ loại song ngữ:  Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ): |
| **10. Yêu cầu, điều kiện** | |
| Có quy định yêu cầu, điều kiện không? | Có □ Không 🗹  Lý do quy định: |
| **11. Kết quả thực hiện** | |
| a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì? | - Giấy phép □  - Giấy chứng nhận 🗹  - Giấy đăng ký □  - Chứng chỉ □  - Thẻ □  - Quyết định hành chính □  - Văn bản xác nhận/chấp thuận □  - Loại khác: □ Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy 🗹 Bản điện tử 🗹 |
| b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không? | Có 🗹 Không □  Lý do: Thống nhất áp dụng |
| c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Có 🗹 Không □  - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: Giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài có thời hạn 05 năm và hàng năm phải được xác nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.  - Nếu Không, nêu rõ lý do: |
| d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)? | Toàn quốc 🗹 Địa phương □  Lý do: Phù hợp với phạm vi áp dụng |
| **IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | |
| Họ và tên người điền: Đặng Thị Quyên  Điện thoại: 0961104142  E-mail: Quyendt.viwa@mt.gov.vn | |

**Phụ lục II.**

**Các biểu tính toán chi phí cắt giảm đối với thủ tục hành chính dự kiến bãi bỏ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **BIỂU MẪU TÍNH CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (BIỂU MẪU SỐ 04/ĐGTĐ-SCM)** | | | | | | | | | |
|  | *(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)* | | | | | | | | | |
|  |  |  | |  | | --- | |  | |  |  |  |  |  |  |  |
|  | |  | | --- | | **CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THUỶ VIỆT NAM** | | | |  |  |  |  |  | ***Biểu mẫu số 04/ĐGTĐ-SCM*** | | |
|  |  |  |  |  |  |
|  | **CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | | | | | | | | | |
|  | **TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thủ tục cấp giấy phép vào cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu đối với phương tiện, thủy phi cơ** | | | | | | | | | |
| **I.** | **CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC HIỆN TẠI** | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **STT** | **Các công việc  khi thực hiện TTHC** | **Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể** | **Thời gian thực hiện** (giờ) | **Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc** (đồng) | **Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ** (đồng) | **Mức phí, lệ phí, chi phí khác** (đồng) | **Số lần thực hiện/ 01 năm** | **Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm** | **Chi phí thực hiện TTHC** (đồng) | **Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm** (đồng) |
| **1** | **Chuẩn bị hồ sơ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Thành phần HS 1: Bản chính hoặc Giấy phép điện tử Giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu cuối cùng theo Mẫu hoặc Biên bản vi phạm hành chính đối với trường hợp không có Giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu theo quy định và chứng từ liên quan đến việc đã chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với hành vi không có Giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu hoặc xác nhận của chính quyền địa phương cấp xã nơi phương tiện rời (xác nhận cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu nơi phương tiện rời chưa được Cảng vụ hoặc tổ chức được quy định tại khoản 3 Điều 69 Nghị định này tổ chức quản lý); thông báo phương tiện đến cảng, bến thủy nội địa để sửa chữa, hoán cải theo Mẫu. | Scan hồ sơ | 1 | 43,750 |  |  | 1 | 400,000 | 43,750 | 35,000,000,000 |
|  | Thành phần HS 2: Bản chính hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính Danh sách hành khách (đối với phương tiện vận tải hành khách) | Scan hồ sơ | 1 | 43,750 |  |  | 1 | 400,000 | 43,750 | 35,000,000,000 |
|  | Thành phần HS 3: Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính (qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến): Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện, thủy phi cơ (hoặc bản sao có xác nhận của tổ chức tín dụng trường hợp phương tiện đang cầm cố, thế chấp); | Scan hồ sơ | 1 | 43,750 |  |  | 1 | 400,000 | 43,750 | 35,000,000,000 |
|  | Thành phần HS 4: Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính (qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến): Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện; | Scan hồ sơ | 1 | 43,750 |  |  | 1 | 400,000 | 43,750 | 35,000,000,000 |
|  | Thành phần HS 5: Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính (qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến): Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện (đối với phương tiện); Giấy phép người lái tàu bay (đối với thủy phi cơ). | Scan hồ sơ | 1 | 43,750 |  |  | 1 | 400,000 | 43,750 | 35,000,000,000 |
|  | Thành phần HS 6: Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính (qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến): Sổ danh bạ thuyền viên; | Scan hồ sơ | 1 | 43,750 |  |  | 1 | 400,000 | 43,750 | 35,000,000,000 |
|  | Thành phần HS 7: Nộp bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính (qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến): Hợp đồng vận chuyển hoặc hóa đơn xuất kho hoặc giấy vận chuyển hàng hóa hoặc hợp đồng sửa chữa, hoán cải; | Scan hồ sơ | 1 | 43,750 |  |  | 1 | 400,000 | 43,750 | 35,000,000,000 |
|  | Thành phần HS 8: Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính (qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến): Bảo hiểm trách nhiệm dân sự (đối với phương tiện thuộc diện bắt buộc phải có bảo hiểm trách nhiệm dân sự); | Scan hồ sơ | 1 | 43,750 |  |  | 1 | 400,000 | 43,750 | 35,000,000,000 |
|  | Thành phần HS 9: Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính (qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến): Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay đối với thủy phi cơ; | Scan hồ sơ | 1 | 43,750 |  |  | 1 | 400,000 | 43,750 | 35,000,000,000 |
|  | Thành phần HS 10: Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính (qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến): Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm, phương án vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng (trường hợp phương tiện vận tải hàng hóa nguy hiểm, hàng hóa siêu trường, siêu trọng). | Scan hồ sơ | 1 | 43,750 |  |  | 1 | 400,000 | 43,750 | 35,000,000,000 |
|  | Thành phần HS 11: Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính (qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến): Phương án bảo đảm an toàn giao thông khi đưa phương tiện, tàu biển vào sửa chữa, hoán cải đã được Cảng vụ phê duyệt. | Scan hồ sơ | 1 | 43,750 |  |  | 1 | 400,000 | 43,750 | 35,000,000,000 |
| **2** | **Nộp hồ sơ** | Trực tiếp | 1.0 | 43,750 |  |  | 1 | 400,000 | 43,750 | 17,500,000,000 |
|  |  | Bưu chính | 1.0 | 43,750 |  |  | 1 | 400,000 | 43,750 | 17,500,000,000 |
|  |  | Internet | 0.5 | 43,750 |  |  | 1 | 400,000 | 21,875 | 8,750,000,000 |
| **3** | **Nộp phí, lệ phí, chi phí khác** |  |  |  |  |  |  |  | 0 | 0 |
| 3.1 | Phí |  |  |  |  | 16,500 | 1 | 400,000 | 16,500 | 6,600,000,000 |
| 3.2 | Lệ phí |  |  |  |  | 5,000 | 1 | 400,000 | 5,000 | 2,000,000,000 |
| 4 | **Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | **Công việc khác** (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | **Nhận kết quả** | Trực tiếp | 1.0 | 43,750 |  |  | 1 | 400,000 | 43,750 | 17,500,000,000 |
|  |  | Bưu chính | 1.0 | 43,750 |  |  | 1 | 400,000 | 43,750 | 17,500,000,000 |
|  |  | Internet | 0.5 | 43,750 |  |  | 1 | 400,000 | 21,875 | 8,750,000,000 |
|  |  | Khác |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG** | |  |  | **0** | **21,500** |  |  | **721,500** | **481,100,000,000** |

**II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU BÃI BỎ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các công việc  khi thực hiện TTHC** | **Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể** | **Thời gian thực hiện** (giờ) | **Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc** (đồng) | **Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ** (đồng) | **Mức phí, lệ phí, chi phí khác** (đồng) | **Số lần thực hiện/ 01 năm** | **Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm** | **Chi phí thực hiện TTHC** (đồng) | **Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm** (đồng) |
| **1** | **Chuẩn bị hồ sơ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Không |  | 0.0 | 43,750 |  |  | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **2** | **Nộp hồ sơ** | Trực tiếp | 0.0 | 43,750 |  |  | 0 |  | 0 | 0 |
|  |  | Bưu điện | 0.0 | 43,750 |  |  | 0 |  | 0 | 0 |
|  |  | Trực tuyến | 0.0 | 43,750 |  |  | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **3** | **Nộp phí, lệ phí, chi phí khác** |  | 0.0 | 43,750 |  |  | 0 |  | 0 | 0 |
| 3.1 | Lệ phí |  | 0.0 | 43,750 |  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3.2 | Phí |  | 0.0 | 0 |  | 0 | 0 |  | 0 | 0 |
| 3.3 | Chi phí khác |  | 0.0 | 0 |  | 0 | 0 |  | 0 | 0 |
| **4** | **Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có) |  | 0.0 | 43,750 |  |  |  |  | 0 | 0 |
| **5** | **Công việc khác** (nếu có) |  |  | 43,750 |  | 0 | 0 |  | 0 | 0 |
| **6** | **Nhận kết quả** | Trực tiếp |  | 43,750 |  | 0 | 0 |  | 0 | 0 |
|  |  | Bưu điện |  | 43,750 |  | 0 | 0 |  | 0 | 0 |
|  |  | Trực tuyến | 0.0 | 43,750 |  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  |  | Khác | 0.0 | 43,750 |  | 0 | 0 |  | 0 | 0 |
|  | **TỔNG** | |  |  | **0** | **0** |  |  | 0 | 0 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **SO SÁNH CHI PHÍ** | | | | | | | | | | |
| |  | | --- | |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| |  | | --- | |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | **TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thủ tục cấp giấy phép rời cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu đối với phương tiện, thủy phi cơ** | | | | | | | | | |  | | **I.** | **CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC HIỆN TẠI** | | | | | | | | | |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | **STT** | **Các công việc  khi thực hiện TTHC** | **Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể** | **Thời gian thực hiện** (giờ) | **Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc** (đồng) | **Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ** (đồng) | **Mức phí, lệ phí, chi phí khác** (đồng) | **Số lần thực hiện/ 01 năm** | **Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm** | **Chi phí thực hiện TTHC** (đồng) | **Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm** (đồng) | **Ghi chú** | | **1** | **Chuẩn bị hồ sơ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  | Thành phần HS 1 (áp dụng trong trường hợp phương tiện không đóng mới, hoán cải, sửa chữa): Bản chính hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính danh sách hành khách (đối với phương tiện vận tải hành khách) | Scan hồ sơ | 1 | 43,750 |  |  | 1 | 400,000 | 43,750 | 35,000,000,000 |  | |  | Thành phần HS 2 (áp dụng trong trường hợp phương tiện không đóng mới, hoán cải, sửa chữa): nộp bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính (qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến): hợp đồng vận chuyển hoặc giấy vận chuyển hoặc phiếu xuất hàng hóa; Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên, người lái phương tiện (đối với phương tiện); Giấy phép người lái tàu bay (đối với thủy phi cơ) nếu có thay đổi so với khi phương tiện, thủy phi cơ vào cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu. địa, khu neo đậu, vùng chuyển tải. | Scan hồ sơ | 1 | 43,750 |  |  | 1 | 400,000 | 43,750 | 35,000,000,000 |  | |  | Thành phần HS 3 (áp dụng trong trường hợp phương tiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa): Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Thông báo phương tiện rời cảng, bến thủy nội địa Mẫu số 47 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này | Scan hồ sơ | 1 | 43,750 |  |  | 1 | 400,000 | 43,750 | 35,000,000,000 |  | |  | Thành phần HS 4 (áp dụng trong trường hợp phương tiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa): Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Biên bản kiểm tra xác nhận phương tiện đủ điều kiện để hoạt động của Cơ quan Đăng kiểm; | Scan hồ sơ | 1 | 43,750 |  |  | 1 | 400,000 | 43,750 | 35,000,000,000 |  | |  | Thành phần HS 5 (áp dụng trong trường hợp phương tiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa): Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Phương án bảo đảm an toàn giao thông khi hạ thủy phương tiện đã được Cảng vụ phê duyệt. | Scan hồ sơ | 1 | 43,750 |  |  | 1 | 400,000 | 43,750 | 35,000,000,000 |  | |  | Thành phần HS 6 (áp dụng trong trường hợp phương tiện đóng mới, hoán cải, sửa chữa): Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao điện tử hoặc bản sao điện tử từ sổ gốc hoặc bản sao điện tử có chứng thực từ bản chính: Danh sách thuyền viên, kỹ thuật viên và những người tham gia chạy thử được cơ quan đăng kiểm xác nhận tương ứng với số trang thiết bị cứu sinh được trang bị trên tàu khi chạy thử (trường hợp chạy thử đường dài). | Scan hồ sơ | 1 | 43,750 |  |  | 1 | 400,000 | 43,750 | 35,000,000,000 |  | | **2** | **Nộp hồ sơ** | Trực tiếp | 1.0 | 43,750 |  | 0 | 1 | 400,000 | 43,750 | 17,500,000,000 |  | |  |  | Bưu chính | 1.0 | 43,750 |  | 0 | 1 | 400,000 | 43,750 | 17,500,000,000 |  | |  |  | Internet | 0.5 | 43,750 |  | 0 | 1 | 400,000 | 21,875 | 8,750,000,000 |  | | **3** | **Nộp phí, lệ phí, chi phí khác** |  |  |  |  |  |  |  | 0 | 0 |  | | 3.1 | Phí |  |  |  |  | 0 | 1 | 400,000 | 0 | 0 |  | | 3.2 | Lệ phí |  |  |  |  | 0 | 1 | 400,000 | 0 | 0 |  | | 4 | **Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  | 0 | 0 |  | | 5 | **Công việc khác** (nếu có) |  |  |  |  | 0 | 1 | 400,000 | 0 | 0 |  | | 6 | **Nhận kết quả** | Trực tiếp | 1.0 | 43,750 |  | 0 | 1 | 400,000 | 43,750 | 17,500,000,000 |  | |  |  | Bưu chính | 1.0 | 43,750 |  | 0 | 1 | 400,000 | 43,750 | 17,500,000,000 |  | |  |  | Internet | 0.5 | 43,750 |  | 0 | 1 | 400,000 | 21,875 | 8,750,000,000 |  | |  |  | Khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  | **TỔNG** | |  |  | **0** | **0** |  |  | **481,250** | **297,500,000,000** |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | **II.** | **CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU BÃI BỎ** | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | **STT** | **Các công việc  khi thực hiện TTHC** | **Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể** | **Thời gian thực hiện** (giờ) | **Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc** (đồng) | **Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ** (đồng) | **Mức phí, lệ phí, chi phí khác** (đồng) | **Số lần thực hiện/ 01 năm** | **Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm** | **Chi phí thực hiện TTHC** (đồng) | **Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm** (đồng) | **Ghi chú** | | **1** | **Chuẩn bị hồ sơ** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  | Không |  | 0.0 | 43,750 |  |  | 0 | 0 | 0 | 0 |  | | **2** | **Nộp hồ sơ** | Trực tiếp | 0.0 | 43,750 |  |  | 0 |  | 0 | 0 |  | |  |  | Bưu điện | 0.0 | 43,750 |  |  | 0 |  | 0 | 0 |  | |  |  | Trực tuyến | 0.0 | 43,750 |  |  | 0 | 0 | 0 | 0 |  | | **3** | **Nộp phí, lệ phí, chi phí khác** |  | 0.0 | 43,750 |  |  | 0 |  | 0 | 0 |  | | 3.1 | Lệ phí |  | 0.0 | 43,750 |  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | | 3.2 | Phí |  | 0.0 | 0 |  | 0 | 0 |  | 0 | 0 |  | | 3.3 | Chi phí khác |  | 0.0 | 0 |  | 0 | 0 |  | 0 | 0 |  | | **4** | **Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền** (nếu có) |  | 0.0 | 43,750 |  |  |  |  | 0 | 0 |  | | **5** | **Công việc khác** (nếu có) |  |  | 43,750 |  | 0 | 0 |  | 0 | 0 |  | | **6** | **Nhận kết quả** | Trực tiếp |  | 43,750 |  | 0 | 0 |  | 0 | 0 |  | |  |  | Bưu điện |  | 43,750 |  | 0 | 0 |  | 0 | 0 |  | |  |  | Trực tuyến | 0.0 | 43,750 |  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | |  |  | Khác | 0.0 | 43,750 |  | 0 | 0 |  | 0 | 0 |  | |  | **TỔNG** | |  |  | **0** | **0** |  |  | 0 | 0 |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | **II.** | **SO SÁNH CHI PHÍ** | | | | | | | | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | | --- | |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | | --- | |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  | 481,100,000,000 |  |